

So sánh Luật doanh nghiệp năm 1999 và Luật doanh nghiệp năm 2005

Phần thứ nhất: Mối liên hệ giữa Luật doanh nghiệp năm 2005 (cái này thay đổi)

Phần thứ hai: So sánh Luật doanh nghiệp năm 1999 và Luật doanh nghiệp năm 2005.

1. Phạm vi điều chỉnh

Ngoài phạm vi áp dụng của Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật doanh nghiệp năm 2005 còn áp dụng đối với Nhóm công ty (bao gồm Công ty mẹ – công ty con, tập đoàn kinh tế và các hình thức khác). Đây là quy định hoàn toàn mới, trước đây mô hình công ty mẹ – công ty con chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước, chưa bao gồm áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp khác. Mô hình tập đoàn kinh tế là ưu tiên được quy định trong luật.

2. Về đối tượng áp dụng

Luật doanh nghiệp năm 2005 áp dụng cho các doanh nghiệp thu nhập nội thành phố kinh tế và tài chính, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các doanh nghiệp.

Có lẽ đây là điểm mới nổi bật của Luật doanh nghiệp năm 2005. Trước đây, Luật doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước khi thành lập doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Thì nay, Luật doanh nghiệp năm 2005 áp dụng chung cho tất cả các loại hình trên.

3. Về bổn phận của nhà nước

Xuất phát từ quy định nêu của luật, nhà nước đã quy định “đảm bảo bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phố kinh tế”. Đây là quy định nhằm tạo sự yên tâm của nhà đầu tư nước ngoài trong việc đầu tư vào Việt Nam.

4. Về ngành nghề kinh doanh

Do sự bình đẳng giữa các hình thức sở hữu, giữa các thành phố kinh tế, Luật doanh nghiệp năm 2005 ra đời tạo cho doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 1999 và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được hoạt động trong ngành nghề mà trước đây chỉ thuộc quyền của nhà nước như xuất bản, truyền hình...

5. Thành lập và đăng ký kinh doanh

Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2005, thì các doanh nghiệp không phân biệt nguồn vốn chủ sở hữu, không phân biệt thành phần kinh tế đều thành lập dưới hình thức (i) Công ty TNHH (ii) Công ty cổ phần (iii) Công ty hợp danh (iv) Doanh nghiệp tư nhân và đăng ký kinh doanh thì các loại hình này đều theo thống nhất chung. Tuy nhiên, trước đây các doanh nghiệp dân doanh thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp 1999 và thống nhất thông thoáng thì theo như Luật doanh nghiệp năm 2005 các doanh nghiệp này đã phải chuyển đổi thành các pháp nhân để tổ chức bình đẳng với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Một số điểm cần lưu ý sau:

- Thời hạn nộp Giấy Chẩn định đăng ký kinh: Được rút ngắn hơn, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ lệ phí, trước đây là 15 ngày làm việc.
- Hồ sơ: Luật doanh nghiệp 2005 yêu cầu thêm các tài liệu chứng minh tính cách pháp lý như Chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- Điều kiện để đăng ký kinh doanh ngành nghề có điều kiện cũng thông thoáng hơn: Trước đây yêu cầu Giám đốc (tổng giám đốc), thành viên, cổ đông sáng lập hoặc người có chức danh quản lý khác phải có chứng chỉ hành nghề thì bây giờ chỉ cần Giám đốc (tổng giám đốc) hoặc cá nhân khác.
- Lệ phí đăng ký kinh doanh: Trước đây là 200.000 đồng đối với mọi Giấy chẩn định ĐKKD, nhưng theo quy định của Luật mới thì lệ phí đăng ký kinh doanh phải nộp vào sổ đăng ký ngành, nghề ĐKKD. Đối với nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên vào Việt Nam thì lệ phí đăng ký kinh doanh, được miễn theo luật Doanh nghiệp và pháp luật về thuế. Giấy chẩn định đầu tư đăng thuế là Giấy chẩn định đăng ký kinh doanh. Như vậy, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiến hành thủ tục đầu tư theo một luật riêng.

Ngoài ra, Luật doanh nghiệp 2005 còn có các điểm mới sau:

- + Thông báo thời gian mở cửa thị trường chính: Doanh nghiệp phải thông báo thời gian mở cửa thị trường chính về việc quản lý đăng ký kinh doanh trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được cấp giấy chẩn định ĐKKD. Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2005, doanh nghiệp có thể kinh doanh ngoài địa chỉ thị trường chính.
- + Doanh nghiệp có thể có con đường 2. Trong trường hợp cần thiết và được sự chấp thuận của cơ quan cấp giấy doanh nghiệp có thể có con đường 2.

6. Công ty TNHH

Với công ty TNHH thì theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005 có những điểm cần lưu ý sau:

- a. Điều kiện Công ty TNHH 02 thành viên trở lên:

- X lý tr ng h p thành viên ch a góp đ v n, không góp v n:

N u thành viên trong công ty TNHH mà không góp đ v n theo đúng th i h n đã nh cam k t thì s v n ch a góp s x lý b ng cách:

+ M t ho c m t s thành viên nh n góp đ s v n ch-a góp;

+ Huy đ ng ng- i khác cùng góp v n vào công ty;

+ Các thành viên còn l i góp đ s v n ch-a góp theo t l ph n v n góp c a h trong v n đi u l công ty.

Trong tr ng h p thành viên không góp v n thì sau khi đ c x lý nh trên s ch m d t t cách thành viên. Đây là đi m hoàn toàn m i so v i Lu t doanh nghi p năm 1999 nh m m c đích kh c ph c tình tr ng các thành viên không ch u góp v n vào công ty mà không có c ch lo i b .

- M r ng quy n đ nh đo t tài s n:

V vi c đ nh đo t tài s n, tr c đây thành viên ch đ c chuy n nh ng ph n góp góp c a mình thì nay thành viên có quy n đ nh đo t ph n v n góp c a mình b ng cách th a k , t ng cho ho c b ng cách khác theo quy đ nh c a pháp lu t và Đi u l công ty.

- B o v quy n c a thành viên ho c nhóm thành viên thi u s :

+ Thành viên ho c nhóm thành viên s h u trên 25% v n đi u l ho c t l khác nh h n do Đi u l công ty quy đ nh có quy n tri u t p h p H i đ ng thành viên đ gi i quy t các v n đ thu c th m quy n.

+ Cu c h p H i đ ng thành viên đ c ti n hành khi có s thành viên đ h p đ i di n ít nh t 75% v n đi u l .

+ Quy t đ nh c a H i đ ng thành viên đ c thông qua trong cu c h p khi s phi u đ i di n 65% t ng s v n góp c a các thành viên đ h p ch p thu n...

- Nâng cao tính trách nhi m cá nhân c a các thành viên:

Đ đ m b o tinh th n trách nhi m c a các thành viên, Lu t doanh nghi p 2005 còn quy đ nh trách nhi m cá nhân khi thành viên nhân danh công ty đ th c hi n các hành vi: (i) Vi ph m pháp lu t; (ii) Ti n hành kinh doanh ho c giao d ch khác không nh m ph c v l i ích c a công ty và gây thi t h i cho ng- i khác; (iii) Thanh toán các kho n n ch-a đ n h n tr- c nguy c tài chính có th x y ra đ i v i công ty

- X lý ph n v n góp trong các tr ng h p khác.

+ Trong tr ng h p mà thành viên ch t ho c b Toà án tuyên b ch t thì ng i th a k đ ng nhiên tr thành thành viên không c n s ch p thu n c a H i đ ng thành viên nh tr c đây.

+ Tr ng h p thành viên b h n ch hay m t năng l c hành vi thành quy n và nghĩa v c a thành viên trong công ty đ ng nhiên th c hi n qua ng i giám h không c n s ch p thu n c a H i đ ng thành viên nh tr c đây.

+ Trong tr ng h p t ng cho ph n v n góp c a mình cho ng i có cùng huy t th ng đ n th h th 3

thì đồng nghiệp trở thành thành viên, trong trường hợp ngược lại thì công ty cho là người khác thì chỉ trở thành thành viên của công ty khi có sự chấp thuận của Hội đồng thành viên.

- Cho phép thành viên có quyền quyên góp cho người khác

Lưu ý doanh nghiệp năm 2005 cho phép thành viên có quyền quyên góp cho người khác để thể hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên vì câu quy định này phải thông báo bằng văn bản cho công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày quy định.

- Chức vụ Hội đồng thành viên có thể quy định cho thành viên khác

Chức vụ Hội đồng thành viên có thể quy định cho thành viên khác thể hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều 1.

- Quy định tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc:

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

(ii) Là cá nhân sinh ra ít nhất 10% vốn điều lệ của công ty hoặc người không phải là thành viên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, thành viên của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

b. Công ty TNHH 01 thành viên

- Chủ sở hữu có thể là cá nhân:

Có một điểm cần lưu ý so với Luật doanh nghiệp năm 1999 là 01 cá nhân cũng có quyền thành lập công ty TNHH 01 thành viên và cũng chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn cam kết góp. Điều này là một bất cập vì theo pháp luật doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu cá nhân đã thành lập Công ty TNHH 01 thành viên thì doanh nghiệp tự nhân sự rất ít để các chủ nợ bị doanh nghiệp tự nhân không có tài sản pháp nhân và chủ doanh nghiệp tự nhân chịu trách nhiệm vô hạn bằng tài sản của mình đối với các khoản nợ của doanh nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức

(i) Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức:

Công ty có thể quản lý theo hình thức Hội đồng thành viên và Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Kiểm soát viên nếu có trên 2 người làm điều hành theo quy định. Nếu điều hành theo quy định chỉ có 01 người thì sẽ là Chủ tịch công ty. Trường hợp này mô hình quản lý sẽ là Chủ tịch Công ty, giám đốc (Tổng giám đốc) và Kiểm soát viên. Trường hợp duy trì hình thức Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng

giám đốc).

(ii) Chủ tịch của Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân:

Chủ quản lý là Chủ tịch Công ty, giám đốc (Tổng giám đốc). Giám đốc (Tổng giám đốc) do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm.

7. Công ty cổ phần

Vấn đề, Công ty cổ phần và nguyên nhân theo tinh thần của Luật doanh nghiệp 1999. Tuy nhiên, luật doanh nghiệp 2005 có một số điểm mới như sau:

- Mục quy định của cổ đông

Ngoài những quy định của Luật doanh nghiệp 1999, cổ đông còn được quy định xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; có quyền bị yêu cầu và yêu cầu để các thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Về quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thiểu số, cụ thể:

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc một phần khác nhau có quyền yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tính đúng đắn của liên quan đến quyền quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông công ty khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quy định của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị miễn chức vụ của người thay thế ...

+ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó đây là 51%.

+ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quyết định của số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông đại diện họp chung; tỷ lệ cổ phần do Điều lệ công ty quy định, trong đó đây là 51%.

+ Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số quyền biểu quyết chấp thuận; tỷ lệ cổ phần do Điều lệ công ty quy định, trong đó đây là 51%.

- Nâng cao tính trách nhiệm cá nhân của cổ đông phổ thông

Cổ phần phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân cá nhân khi nhân danh công ty để làm hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau: (i) Vi phạm pháp luật; (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để lợi ích hoặc lợi ích cá nhân khác; (iii) Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

- Quyết định xử lý đối với cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua

Luật doanh nghiệp 2005 quy định như sau: (i) Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó

theo t l s h u c p h n c a h trong công ty; (ii) M t h o c m t s c đồng sáng l p nh n góp đ s c p h n đó; (iii) Huy đ ng ng i khác không ph i là c đồng sáng l p nh n góp đ s c p h n đó; ng i nh n góp v n đó đ ng nhiên tr thành c đồng sáng l p c a công ty.

Trong tr ng h p này, c đồng sáng l p ch a góp c p h n theo đăng ký đ ng nhiên không còn là c đồng c a công ty.

- Thành viên H i đ ng qu n tr không nh t thi t là c đồng

Theo quy đ nh c a Lu t doanh nghi p 2005 thì s l ng t i thi u c a H i đ ng qu n tr là 03 ng i, thành viên c a H i đ ng qu n tr không nh t thi t là c đồng c a công ty. Vì v y, Lu t quy đ nh thêm tiêu chu n và đi u ki n làm thành viên H i đ ng qu n tr .

Nh v y, ch t ch c a H i đ ng qu n tr cũng không nh t thi t là c đồng c a công ty.

- Quy đ nh tiêu chu n và đi u ki n làm thành viên c a ban ki m soát quy đ nh c th h n v quy n và nhi m v c a ban ki m soát

M r ng th m quy n c a Ban ki m soát nh “Khi phát hi n có thành viên H i đ ng qu n tr , Giám đ c ho c T ng giám đ c vi ph m nghĩa v c a ng i qu n lý công ty quy đ nh t i Đi u 119 c a Lu t này thì ph i thông báo ngay b ng văn b n v i H i đ ng qu n tr , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu ”, “s đ ng t v n đ c l p đ th c hi n các nhi mv đ c giao”... Ngoài ra lu t còn quy đ nh v vi c mi n nhi m, bãi nhi m Ban ki m soát. Khi k t thúc năm tài chính, H i đ ng qu n tr ph i chu n b các báo cáo và tài li u v tình hình kinh doanh, tài chính, đánh giá công tác qu n lý đ n p cho Ban ki m soát...

8. Công ty h p danh

Công ty h p danh đ c quy đ nh đ y đ và chi ti t h n r t nhi u so v i Lu t doanh nghi p 1999, c th :

- Công ty h p danh có t cách pháp nhân

Theo quy đ nh c a Lu t doanh nghi p thì công ty h p danh không có t cách pháp nhân nh ng Lu t doanh nghi p 2005 đã công nh n t cách pháp nhân c a công ty h p danh k t ngày đ c c p Gi y ch ng nh n đăng ký kinh doanh.

- C c u t ch c

Lu t doanh nghi p 1999 không quy đ nh v c c u t ch c công ty h p danh nh ng lu t doanh nghi p 2005 đã quy đ nh r t c th , c c u t ch c g m H i đ ng thành viên, H i đ ng thành viên b u m t thành viên h p danh là ch t ch H i đ ng thành viên kiêm Giám đ c ho c T ng giám đ c.

Ngoài ra, công ty h p danh còn quy đ nh v vi c th c hi n góp v n và c p gi y ch ng nh n v n góp; tài s n c a công ty h p danh; h n ch đ i v i quy n c a công ty h p danh; quy n và nghĩa v c a thành viên h p danh và thành viên góp v n; ch m d t cách thành viên; ti p nh n thành viên m i...

9. Doanh nghiệp t nhân

V căn, Luật doanh nghiệp năm 2005 ghi n i dung c a Luật doanh nghiệp năm 1999. Luật quy đ nh rõ m i cá nhân ch đ c thành l p 01 doanh nghiệp t nhân là đi m m i căn b n nh t.

10. Nhóm công ty

Th c ch t, nhóm công ty đã t n t i trong m t s doanh nghiệp t r t lâu nh ng đây là l n đ u tiên đ c th hi n b ng quy đ nh c a pháp lu t áp d ng cho lo i hình doanh nghiệp ngoài qu c doanh. Nhóm công ty t n t i đ i các hình th c:

Công ty m - công ty con;♣

T p♣ đoàn kinh t ;

Các hình th c khác.♣

Ngoài ra, Luật doanh nghiệp 2005 còn quy đ nh v quy n và trách nhi m c a công ty m đ i v i công ty con, vi c báo cáo tài chính c a công ty m và công ty con.

11. T ch c l i, gi i th và phá s n doanh nghiệp

- Luật quy đ nh thêm v th t thanh toán các kho n n c a doanh nghiệp khi gi i th :

- (i) Các kho n n l ng, tr c p thôi vi c, b o hi m xã h i theo quy đ nh c a pháp lu t và các quy n l i khác c a ng i lao đ ng theo tho c lao đ ng t p th và h p đ ng lao đ ng đã ký k t;
- (ii) N thu và các kho n n khác.

Sau khi đã thanh toán h t các kho n n và chi phí gi i th doanh nghiệp, ph n còn l i thu c v ch doanh nghiệp t nhân, các thành viên, c đ ng ho c ch s h u công ty.

- Gi i th khi b thu h i Gi y ch ng nh n ĐKKD:

Khi b thu h i Gi y ch ng nh n đăng ký kinh doanh thì trong th i h n 06 tháng mà không ti n hành th t c gi i th thì coi nh đã gi i th và c quan đăng ký kinh doanh s xoá tên doanh nghiệp trong s đăng ký kinh doanh.